TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:338/2022/DS-ST
Ngày:23-8-2022
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bền

Ông Tạ Công Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bế Thị Huệ, Thư ký Tòa án-Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà: Bà Trần Ngọc Hà-Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:341/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: **Lê Văn T,** sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thành P**, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: 166/19B LTK, phường 6, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

(Giấy ủy quyền số 3390 ngày 12/5/2021)

-Bị đơn:

1. Bà **Tạ Thái H,** sinh năm 1980.

2. Bà **Tạ Thị Xuân L**, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Từ Thái H1, sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: số 7, đường 65, Phường TP, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền ngày 09/8/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn bà H, bà L: Ông **Lê Minh T1**-Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH A.B.C, Đoàn Luật sư tỉnh Long An (có mặt).

Người làm chứng: Bà **Phan Thị Minh T2**, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TP1, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn T, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành P trình bày:

Vào ngày 27/02/2018 (âm lịch) chị em bà Tạ Thái H và bà Tạ Thị Xuân L mượn của ông Lê Văn T số tiền 60.000.000 đồng, không tính lãi.

Khi nhận tiền hai người có viết biên nhận cho ông T và hứa 03 tháng sau (tức vào ngày 27/5/2018 âm lịch) sẽ trả đủ nhưng đến nay ông T đã nhiều lần đòi nợ nhưng bà L, bà H chưa trả.

Nay ông T yêu cầu:

- Buộc bà Tạ Thái H và bà Tạ Thị Xuân L liên đới trả số tiền vốn vay là 60.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của các bị đơn bà Tạ Thái H, bà Tạ Thị Xuân L là ông Từ Thái H1 trình bày:

Bà Tạ Thái H không có mượn số tiền 60.000.000đồng của ông Lê Văn T. Số nợ này là do bà Tạ Thị Xuân L mượn. Bà L đã trả xong. Nay bà H, bà L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng Chị T2 khai:

Chị là em dâu của bà L bà H và là bạn bè chơi chung bà L, bà H và ông T. Đối với 02 biên nhận nợ, ông T nhờ chị viết nên chị viết giùm. Đối với biên nhận mượn tiền 700.000.000đồng chị không biết việc vay mượn giữa các bên, bà H có ký tên vào biên nhận hay không chị không xác định được. Đối với biên nhận mượn tiền 60.000.000đồng theo chị biết là khoản nợ vay của bà L. Chị xác định chữ ký của bà H trong biên nhận mượn tiền 60.000.000đồng. Chị nghe nói bà L có trả nhưng trả còn hay hết thì chị không xác định được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Văn T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn- Luật sư Lê Minh T1 trình bày: Ngày 12/4/2018 (27/02/2018 âm lịch) bà L có vay của ông T số

tiền 60.000.000đồng. Đây là tiền bà L vay ông T, bà H chỉ làm chứng không phải người vay hay người bảo lãnh. Do đó, bà H không đồng ý liên đới trả 60.000.000đồng, bà L không đồng ý với yêu cầu của ông T về việc bà L và bà H liên đới trả vì bà L đã trả 60.000.000 đồng xong nhưng ông T yêu cầu thu thêm 10.000.000đồng mới trả biên nhận vay.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T. Buộc bà L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền 60.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T về việc buộc bà Tạ Thái H liên đới cùng bà Tạ Thị Xuân L trả số tiền 60.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các bị đơn bà Tạ Thái H, bà Tạ Thị Xuân L vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền; Người làm chứng Phan Thị Minh T2 có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 228, Điều 229 tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu các bị đơn Tạ Thái H, Tạ Thị Xuân L phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo thỏa thuận của hợp đồng vay tài sản, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Xét, "Biên nhận" có nội dung "Tôi tên Tạ Thị Xuân L… Em tôi tên Tạ Thái H…Tôi mượn trong vòng 3 tháng. Nếu tôi không trả tôi sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật (BL06)", không có thỏa thuận về lãi, nên Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

Đại diện ủy quyền của các bị đơn bà H, bà L là ông H1 xác định đây là nợ của bà L và bà L đã trả xong, việc trả tiền không làm giấy tờ, ông T yêu cầu thu thêm 10.000.000đồng mới trả lại biên nhận vay nhưng không được nguyên đơn ông T thừa nhận. Ông T cho rằng từ khi vay thì bà L, bà H không có trả cho ông khoản tiền nào. Chị T2 là người làm chứng khai rằng chị là người viết giùm biên nhận, chị xác định bà H có ký ghi họ tên

vào biên nhận nhưng chị xác định đây là khoản nợ của bà L, nghe nói bà L có trả cho ông T nhưng trả còn hay hết thì chị không xác định được. Việc này chị chỉ nghe nói và không trực tiếp chứng kiến nên không thể xác định bà L đã trả nợ cho ông T. Đại diện ủy quyền của các bị đơn cho rằng đã bà L trả nợ xong nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh cũng không có ai trực tiếp chứng kiến nên bà L có nghĩa vụ trả số tiền này.

Mặc dù trong biên nhận có chữ ký của bà H nhưng nội dung biên nhận thể hiện bà L là người vay tiền. Do đó, không có cơ sở buộc bà H liên đới cùng bà L trả số tiền vốn vay 60.000.000đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bị đơn phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[7] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Khoản 3 Điều 26, Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 466, Điều 470 và Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T

1/ Buộc bà Tạ Thị Xuân L có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay cho ông Lê Văn T là 60.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự trên số tiền chậm thi hành án.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T về việc buộc bà Tạ Thái H và Tạ Thị Xuân L liên đới trả số tiền vốn vay là 60.000.000đồng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà bà Tạ Thị Xuân L liên đới chịu 3.000.000 đồng án phí.

Hoàn ông Lê Văn T số tiền 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003648 ngày 25/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên